

VIỆT NAM GIA NHẬP WTO - THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

TS ĐÀO ĐĂNG KIẾN

Học viện Hành chính Quốc gia

1. Mục tiêu và chức năng hoạt động của Tổ chức Thương mại Thế giới.

a. Sự ra đời và phát triển.

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01-01-1995. WTO là sự kế tiếp và phát triển của GATT - Hiệp định chung về thương mại và thuế quan - một tổ chức được thành lập từ năm 1948 dựa trên nguyên tắc cơ bản là tự do ngoại thương và không áp dụng chính sách phân biệt đối xử trong quan hệ thương mại giữa các nước nhằm khắc phục và tránh các cuộc chiến tranh và trừng phạt thương mại như tình trạng diễn ra từ những năm 20 của thế kỉ XX - một trong những tác nhân gây ra hai cuộc chiến tranh thế giới.

Từ khi ra đời đến khi chuyển sang WTO, GATT đã thực hiện 8 vòng đàm phán thương mại lớn về mậu dịch và thuế quan; trong đó, 5 vòng đầu về thuế quan, chủ yếu là việc giảm thuế nhập khẩu hàng công nghiệp. Bắt đầu từ vòng đàm phán thứ 6, phạm vi đàm phán không chỉ dừng ở thuế quan, mà đã mở rộng sang các lĩnh vực hoạt động thương mại khác. Do đó, các cuộc đàm phán này được gọi là các cuộc "thương lượng mậu dịch" như vòng thương lượng mậu dịch Ke-ne-dy (vòng thứ 7, từ năm 1973-1979) và vòng thương lượng mậu dịch U-ru-goay (vòng thứ 8, từ năm 1986-1994).

Các vòng thương lượng hay đàm phán càng về sau càng tăng cả về lĩnh vực đàm phán, số nước tham gia và thời gian. Nếu như 5 vòng đầu chỉ đàm phán về thuế quan, số nước tham gia từ 23 đến 34 nước và thời

gian đàm phán từ 1 đến 2 năm, thì đến vòng đàm phán thứ 6 đã có 46 nước tham gia, thời gian kéo dài 4 năm, bàn tới nhiều lĩnh vực hoạt động thương mại. Tại vòng đàm phán thứ 7, số nước tham gia đã tăng lên 99, thời gian đàm phán kéo dài 7 năm. Vòng đàm phán thứ 8 kéo dài 9 năm với 117 nước tham gia. Đây là sự phát triển vượt bậc của GATT, phát triển đến mức bản thân GATT không còn đủ sức bao sân các hoạt động của mình, đòi hỏi phải được thay thế bởi một tổ chức khác có khuôn khổ hoạt động rộng lớn và bao quát hơn, đủ sức đáp ứng những nhu cầu mới của quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ, của những xu hướng phát triển mới về thương mại và đầu tư quốc tế, về khoa học - công nghệ, về lưu chuyển vốn, về thông tin liên lạc và giao thông vận tải hiện đại... Đó là cội nguồn dẫn tới sự ra đời của WTO. Sự lớn mạnh của GATT đồng thời cũng là cơ sở cho sự lớn mạnh, vững vàng và có ảnh hưởng rộng lớn ngay từ đầu của WTO. Chỉ sau hơn 10 năm thành lập, đến nay, WTO đã có tới gần 150 nước thành viên chính thức, chi phối tới 90% tổng giá trị thương mại thế giới và hiện còn có hàng chục nước khác đang đàm phán để được gia nhập WTO.

Mặc dù WTO có số lượng thành viên đông và mở rộng cửa như vậy, nhưng điều kiện gia nhập WTO không phải là dễ. Nó đòi hỏi các thành viên phải tuân thủ cuộc chơi khá chặt chẽ. Điều kiện gia nhập WTO có khác với gia nhập Liên hợp quốc. Nếu Liên hợp quốc chỉ kết nạp các quốc gia độc lập về chính trị thì WTO có thể kết nạp cả những vùng lãnh thổ tuy không độc lập về

chính trị, nhưng có chế độ thuế quan độc lập và có quyền tự chủ về thương mại như Hồng Kông và Đài Loan. WTO đặc biệt chú ý tới những điều kiện về tự do hoá thương mại của mỗi nền kinh tế khi nộp đơn xin gia nhập WTO. Có những nước do chưa đáp ứng được những điều kiện này mà đã phải mất hơn chục năm đàm phán mới được kết nạp vào WTO. Trung Quốc là ví dụ điển hình về điều đó.

b. Mục tiêu, nguyên tắc và chức năng hoạt động của WTO.

Mục tiêu bao quát và chi phối các hoạt động của WTO là tự do hoá thương mại. Điều này được phản ánh trong tất cả các cuộc đàm phán, thương lượng của GATT trước đây và WTO hiện nay. Tự do hoá thương mại được coi là nền tảng cho sự phát triển và ổn định nền thương mại thế giới hiện đại. Vì thế, nó được nêu ra và trở thành điều kiện không chỉ cho các cuộc đàm phán về thuế quan, về mậu dịch hàng hoá và dịch vụ, về bản quyền trí tuệ... mà còn trở thành một trong những điều kiện có tính quyết định trong quá trình xem xét để kết nạp thành viên mới. Tự do hoá thương mại cũng đã trở thành cơ sở để GATT trước đây và WTO hiện nay đề ra những nguyên tắc và chức năng hoạt động của mình.

Những nguyên tắc hoạt động cơ bản của WTO là không phân biệt đối xử, minh bạch, tin cậy và thúc đẩy thương mại; trong đó, nguyên tắc hàng đầu mang tính chi phối là không phân biệt đối xử trong quan hệ thương mại giữa các nước. Nguyên tắc này được áp dụng trên hai phương diện quốc tế và quốc gia. Trong giao dịch thương mại quốc tế, đó là quy chế tối huệ quốc dành ưu đãi như nhau cho tất cả các nước thành viên WTO, không phân biệt đối xử về thuế quan và quy chế xuất, nhập khẩu hàng hoá cho các nước theo mức cao thấp khác nhau, kể cả những nước trước đây đã được hưởng hoặc không được hưởng những ưu đãi thương mại của nước mình.

Trong phạm vi quốc gia, không có sự phân biệt đối xử giữa hàng nhập khẩu với hàng sản xuất trong nước. Nghĩa là, các

nước thành viên WTO không được áp dụng thuế nội địa và các quy chế khác trong nước để bảo hộ sản xuất trong nước và phân biệt đối xử với hàng nhập khẩu từ các nước thành viên WTO khác; nhưng có thể áp dụng các quy chế và thuế trong nước đối với hàng sản xuất trong nước để bảo đảm sự công bằng theo nguyên tắc không phân biệt đối xử.

Dưới những nguyên tắc cơ bản, WTO còn có những nguyên tắc mang tính thứ cấp như nguyên tắc thực hiện bảo hộ sản xuất bằng thuế quan, giảm bớt và tiến tới bãi bỏ những biện pháp bảo hộ phi thuế quan không có lợi cho người lao động, người sản xuất - kinh doanh, chỉ có lợi cho những kẻ trục lợi, đầu cơ, lợi dụng chức quyền và tham nhũng. WTO thừa nhận sự cần thiết của các nước thành viên trong việc bảo hộ sản xuất trong nước, coi đó là yêu cầu chính đáng khi các ngành công nghiệp của họ bị hàng nhập khẩu tràn vào làm hại, nhưng không chấp nhận chính sách bảo hộ bằng số lượng hoặc bằng biện pháp cản trở, cấm đoán mang tính chất hành chính, phi thuế quan như quota, cấm nhập khẩu... mà chỉ chấp nhận để các nước thành viên áp dụng thuế quan làm biện pháp chính đáng để bảo hộ sản xuất trong nước.

Theo quan điểm của WTO, cách bảo hộ như vậy là đúng với những nguyên lý của kinh tế thị trường, phù hợp với quy luật cung - cầu và đảm bảo sự giao lưu thông suốt giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Điều đó khác hẳn với chính sách ngăn cấm hoặc hạn chế số lượng nhập khẩu thường cố định theo một kế hoạch định sẵn, không phù hợp với cung - cầu thực tế, làm cho thị trường trong nước bị cách ly với thị trường quốc tế, làm cho các nhà sản xuất trong nước ỷ lại vào sự bảo hộ của chính phủ, không tích cực và năng động trong cải tiến và hợp lý hoá hệ thống quản lý, trong việc cải thiện, đầu tư nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, cũng như trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Đối với chính phủ, chính sách thuế quan tạo ra

nguồn thu từ thuế để nâng cao nguồn thu cho ngân sách, còn chính sách hạn chế số lượng quota, giấy phép xuất, nhập khẩu... nhiều khi tạo ra sự chênh lệch và nguồn thu lớn, nhưng không phải cho ngân sách nhà nước, cũng không phải cho người lao động mà phần lớn cho những người cấp và được cấp quota, giấy phép... chia nhau, gây ra tình trạng tham nhũng, hối lộ. Loại bỏ chính sách này là cách tốt nhất để nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá của mỗi quốc gia và bảo vệ được lợi ích của người lao động, nhà kinh doanh và lợi ích của chính phủ.

WTO thực hiện những mục tiêu và nguyên tắc trên đây thông qua những chức năng hoạt động chủ yếu sau:

- Tổ chức các cuộc đàm phán mậu dịch đa biên nhằm thúc đẩy quá trình tự do hoá mậu dịch giữa các quốc gia trên thế giới.

- Xây dựng những quy tắc quốc tế về thương mại và tổ chức thực hiện các quy tắc đó. Các nước đã kí kết và thừa nhận các hiệp định của WTO đều phải thực hiện các quy tắc này, kể cả khi họ phải điều chỉnh và sửa đổi luật pháp cũng như các thủ tục hành chính của nước mình cho phù hợp với những quy tắc của WTO.

- Giải quyết các mâu thuẫn và tranh chấp mậu dịch quốc tế. Công việc này được thực hiện theo hệ thống xét xử 2 cấp: cấp thấp (panel) và cấp cao (Appellate Body). Về nguyên tắc, nước bị hại có quyền kiện phải chấp nhận tham gia giải quyết kiện - đó là nghĩa vụ không được trốn tránh. Điều này tạo cho WTO khả năng giải quyết tranh chấp rất hiệu quả. Trong thực tế đã có hàng chục vụ các nước thua kiện bị trừng phạt. Do đó, nhiều nước đã tìm cách dàn xếp mâu thuẫn trước khi đưa ra khởi tố tại WTO.

- Thúc đẩy sự phát triển của kinh tế thị trường. Đây là hoạt động được WTO kiên trì và thúc đẩy mạnh mẽ, nhất là đối với những nền kinh tế còn quản lý chặt chẽ theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu và bao cấp. WTO thường hướng hoạt động vào yêu cầu các nước này giảm bớt

hoặc nới lỏng các quy chế và điều tiết của nhà nước để tăng cường sự hoạt động của thị trường và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế.

2. Gia nhập WTO, những lợi ích và thách thức đối với Việt Nam.

Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc Việt Nam được cấp giấy phép chứng nhận tham gia vào thị trường thương mại toàn cầu với những thời cơ và thách thức như sau:

a. Thời cơ và những lợi ích.

Thứ nhất, tham gia WTO, vị thế của Việt Nam sẽ được nâng cao trong các mối quan hệ quốc tế; tạo nên thế và lực mới, sánh ngang hàng với các quốc gia thành viên của WTO trong việc biểu quyết những vấn đề liên quan đến WTO, đặc biệt trong quá trình giải quyết những vấn đề tranh chấp trong kinh doanh thương mại quốc tế.

Thứ hai, gia nhập WTO là cơ hội để Chính phủ có thể xem xét đổi mới những chính sách kinh tế, thực thi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tạo môi trường cạnh tranh về hàng hoá và dịch vụ, đảm bảo an toàn trật tự xã hội, xây dựng đất nước ngày càng vững mạnh. Đây là cơ hội để Chính phủ hoàn thiện chính sách kinh tế, tham khảo và vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tiễn Việt Nam, đồng thời tuân thủ quy chế WTO sẽ giảm bớt hiện tượng tham nhũng, hối lộ trong hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ ba, Việt Nam sẽ có cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khi chưa gia nhập WTO, với nền kinh tế mở cửa, khuyến khích đầu tư nước ngoài, Việt Nam đã từng bước mở rộng quan hệ thương mại với các nước khu vực ASEAN và trên thế giới. Trong mối quan hệ thương mại này, nước ta với lợi thế nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ tay nghề cao, chiếm ưu thế trong gia công sản phẩm xuất khẩu. Nhưng trong những mối quan hệ thương mại quốc tế thì vẫn là nước chịu nhiều thiệt thòi do chưa thiết lập được hiệp định song phương và đa phương với những đối tác của mình, đặc biệt là những thị trường lớn như thị trường mậu dịch tự do Bắc Mỹ, thị trường tự do

EU. Một minh chứng điển hình là việc xuất khẩu cá da trơn (cá tra, cá ba sa), tôm vào thị trường Mỹ, giày dép vào thị trường EU. Khi tham gia WTO, Việt Nam có cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn với gần 150 thành viên và vị thế thị trường ngang nhau ở tất cả các quốc gia đó. Hàng hoá có thể thâm nhập thị trường khổng lồ này mà không gặp bất cứ trở ngại nào, miễn là không có vi phạm những quy chế và cam kết đã kí, đủ sức cạnh tranh với hàng hoá cùng loại và hàng hoá thay thế.

Thứ tư, Việt Nam sẽ nâng cao khả năng tiếp cận những công nghệ tiên tiến hiện đại, những thị trường tài chính hàng đầu. Thành viên WTO có những quốc gia là những nền kinh tế hàng đầu với công nghệ khoa học kĩ thuật, trình độ quản lý kinh tế, hệ thống tài chính tiên tiến phát triển ở trình độ cao. Gia nhập WTO, chúng ta sẽ có khả năng tiếp nhận những công nghệ mới, tiếp thu và ứng dụng vào sản xuất, điều hành, quản lý, rút ngắn khoảng cách giữa các nước thành viên WTO. Bên cạnh đó, WTO còn có những chính sách đặc biệt nhằm hỗ trợ các nước đang phát triển về mặt kĩ thuật đào tạo, xây dựng cơ sở hạ tầng, giải quyết những vướng mắc trong quá trình chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế; tạo cơ hội cho những nước đang phát triển mở rộng thị trường thương mại quốc tế thông qua việc thâm nhập những thị trường lớn; yêu cầu các nước thành viên WTO phải bảo vệ lợi ích của những nước đang phát triển nếu các nước này áp dụng chính sách bảo hộ hàng sản xuất trong nước hoặc những chính sách đối ngoại như chống bán phá giá, áp dụng những hàng rào kĩ thuật trong thương mại quốc tế. Đồng thời, Việt Nam có cơ hội thể hiện khả năng cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới.

Thứ năm, tham gia WTO góp phần cải thiện mức sống người dân. Cùng với việc mở cửa thị trường hàng hoá, dịch vụ, khi gia nhập WTO, Việt Nam sẽ là một bộ phận của thị trường toàn cầu. Luồng hàng hoá sẽ được chuyển qua thị trường Việt Nam cũng như tất cả các thị trường khác. Hàng hoá

các nước khác sẽ thâm nhập vào thị trường Việt Nam. Để đủ sức cạnh tranh nhằm tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp trong nước phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, áp dụng công nghệ mới... Điều này sẽ khiến người tiêu dùng trong nước được hưởng lợi, vì cùng một mức thu nhập, họ có nhiều sự lựa chọn hơn với những hàng hoá được sử dụng và đương nhiên mức sống được nâng cao. Thị trường ô tô là một ví dụ, khi bảo hộ sản xuất trong nước bằng hàng rào thuế quan và giải pháp cấm nhập khẩu, giá ô tô trong nước rất cao, gấp hai đến ba lần các nước trong khu vực và trên thế giới.

b. Thách thức và những vấn đề đặt ra.

Một là, thách thức lớn nhất đối với các doanh nghiệp Việt Nam là khả năng cạnh tranh chưa cao. Mở cửa thị trường, cùng với cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ, các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với thách thức rất lớn. Ở nhiều doanh nghiệp, tính tự chủ không cao, khả năng vận hành và tính thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh còn hạn chế, cần khắc phục. Khi gia nhập WTO, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phải đối mặt cạnh tranh quyết liệt với các doanh nghiệp nước ngoài về thị trường hàng hoá và dịch vụ. Các doanh nghiệp nước ngoài với ưu thế có nguồn vốn lớn, sản phẩm sản xuất trên nền tảng khoa học - công nghệ hiện đại nên chất lượng và giá cả phù hợp, thêm vào đó là kinh nghiệm chiếm lĩnh thị trường của những tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Sự cạnh tranh này khiến các doanh nghiệp Việt Nam phải đứng trước hai sự lựa chọn:

- Chấp nhận sự cạnh tranh, liên tục đổi mới công nghệ, áp dụng khoa học - kĩ thuật, vận hành hệ thống quản lý mới, cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng cường dịch vụ để sản phẩm do các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất có thể cạnh tranh với sản phẩm cùng loại, chiếm lĩnh thị trường, hướng tới xuất khẩu và dẫn tạo uy tín trên thị trường.

- Doanh nghiệp không có khả năng cạnh

tranh bị đào thải khỏi thị trường. Điều này có thể xảy ra với những doanh nghiệp quá yếu về tiềm lực kinh tế cũng như thương hiệu, kinh nghiệm trên thương trường quốc tế. Sự đào thải của hàng loạt doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả sẽ khiến số lao động thất nghiệp tăng cao. Đây là một trong những vấn đề cần được giải quyết nhằm bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững.

Hai là, nước ta phải thực hiện hàng loạt những cam kết, những thoả thuận đã kí từ những hiệp định thương mại song phương, đồng thời tuân thủ triệt để quy chế WTO.

Trước mắt, Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế, chính sách, các văn bản luật và hướng dẫn thi hành, đặc biệt là những lĩnh vực có liên quan đến những cam kết và thoả thuận theo hiệp định thương mại song phương, đa phương và quy chế WTO đề ra. Bên cạnh đó, cũng cần đẩy nhanh quá trình tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, chuẩn bị đầy đủ mọi tiềm lực cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang những ngành mũi nhọn cần được tập trung mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng với môi trường kinh doanh toàn cầu, trở thành “đầu tàu” của nền kinh tế. Những doanh nghiệp năng lực cạnh tranh thấp, hoặc làm ăn không hiệu quả cần được chuyển đổi hay bán, bảo đảm cho mọi nguồn lực kinh tế được đầu tư vào những lĩnh vực có hiệu quả nhất. Những thị trường hỗ trợ cho thị trường hàng hoá như thị trường tài chính, tiền tệ cần được quan tâm phát triển một cách đồng bộ. Đồng thời, Nhà nước cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, chuẩn bị cho quá trình tiếp thu những tiến bộ khoa học - kĩ thuật, những công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý để đáp ứng yêu cầu của bộ máy quản lý đa năng và chuyên nghiệp hoá sau này.

Về phía các doanh nghiệp, cần chuẩn bị sẵn sàng tiếp cận thị trường toàn cầu; trong đó, hiểu sâu sắc và nghiêm túc thực hiện những quy chế trong kinh doanh thương mại quốc tế, như vấn đề bản quyền, tiêu

chuẩn, chất lượng, vệ sinh an toàn, bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng... Cũng cần chuẩn bị thật tốt nguồn nhân lực với trình độ cao, nhằm tiếp thu những công nghệ mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, tăng dịch vụ sau bán hàng, để hàng hoá Việt Nam có đủ sức cạnh tranh với sản phẩm của các nước.

Ba là, thách thức và những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước về kinh tế của Chính phủ, đòi hỏi Chính phủ phải có bộ máy gọn nhẹ, có bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm, năng lực quản lý có hiệu lực, hiệu quả trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Thực trạng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế của nước ta hiện nay còn công kênh, quản lý còn nhiều sơ hở, gây thất thoát, lãng phí, hiệu quả quản lý kinh tế chưa cao, nhất là trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Mặt khác, việc gia nhập WTO cũng đi kèm với thách thức to lớn đối với Việt Nam vừa là nước đang phát triển lại vừa đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, thể chế của nền kinh tế còn thiếu, các doanh nghiệp lại phải đối mặt với sức ép cạnh tranh gia tăng từ các công ty nước ngoài tại thị trường trong nước. Cơ chế chính sách còn hay thay đổi và chưa phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế, theo nguyên tắc của WTO thì cần phải sửa đổi, bổ sung khẩn trương để phù hợp với cam kết của Nhà nước ta với WTO.

Việt Nam đang tiến tới các công việc cuối cùng để gia nhập WTO, đây là cơ hội với những lợi ích mới để phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cũng cần phải tự vươn lên mạnh mẽ hơn để vượt qua thách thức trong quản lý nhà nước về kinh tế □

Tài liệu tham khảo:

1. Hội thảo “Việc gia nhập WTO của Việt Nam và những ảnh hưởng của nó tới các địa phương”, Hà Nội từ ngày 03 - 05-4-2006.
2. GS.TS Đỗ Hoài Nam, *Các doanh nghiệp Việt Nam với việc gia nhập WTO*, NXB.KHXH, 2005.
3. Trung Kiên, *Việt Nam gia nhập WTO - thời cơ và thách thức*, Báo Nhân dân số 22 (904), ngày 28-5-2006.